

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/2020/TB-ACM

Bắc Giang, ngày 10 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCKNN VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**
Trụ sở chính: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 222 6669 Fax: 0204 222 6669
Mã chứng khoán: ACM
Người công bố thông tin: Vũ Thị Thu Hiền
Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường.
Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2020 tại
Website: acuonggroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



VŨ THỊ THU HIỀN

Bắc Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2020.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100511368 đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 14/06/2018.
- Vốn điều lệ: 510.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 510.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Địa chỉ: VPĐD Số 5 Nguyễn Khắc Nhu – Phường Trúc Bạch – Quận Ba Đình – Hà Nội.
- Số điện thoại: 0204.222 6669 – 024.3763 5999
- Số fax: 0204.222 6669
- Website: acuonggroup.vn
- Mã cổ phiếu: ACM

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường được thành lập ngày 15 tháng 02 năm 1996, có trụ sở chính tại số 3 phố Chợ Gạo, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội với số vốn ban đầu là 1.650.000.000 đồng. Trải qua 20 năm hình thành và phát triển Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường đã có những chỗ đứng nhất định trong ngành khoáng sản.

Hiện tại Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường đã được cấp phép khai thác 8 mỏ tại tỉnh Bắc Giang, trong đó có 7 mỏ đồng và 1 mỏ than.

Ngày 16 tháng 09 năm 2011 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường với vốn điều lệ là 120 tỷ đồng.

Cùng với việc đầu tư sản xuất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 07/11/2014 Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 510 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 27/03/2015 Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng với vốn thực góp 510 tỷ đồng theo công văn số 1414/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đến ngày 23/07/2015 Công ty đã chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì kẽm, thiếc.
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
- Khai thác và thu gom than non, than cứng .

2.2 Địa bàn kinh doanh: Bắc Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

➤ Trụ sở chính theo Giấy CNĐKKD:

- Địa chỉ : thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại : (0240) 222 6669
- MST : 0100511368

➤ Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang

- Địa chỉ : thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
- MST : 0100511368-004

➤ Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường – Mỏ than Đồng Tàn

- Địa chỉ : thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
- MST : 0100511368-005

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường.

Địa chỉ : Số 5 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trúc Bạch, Quận Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội.

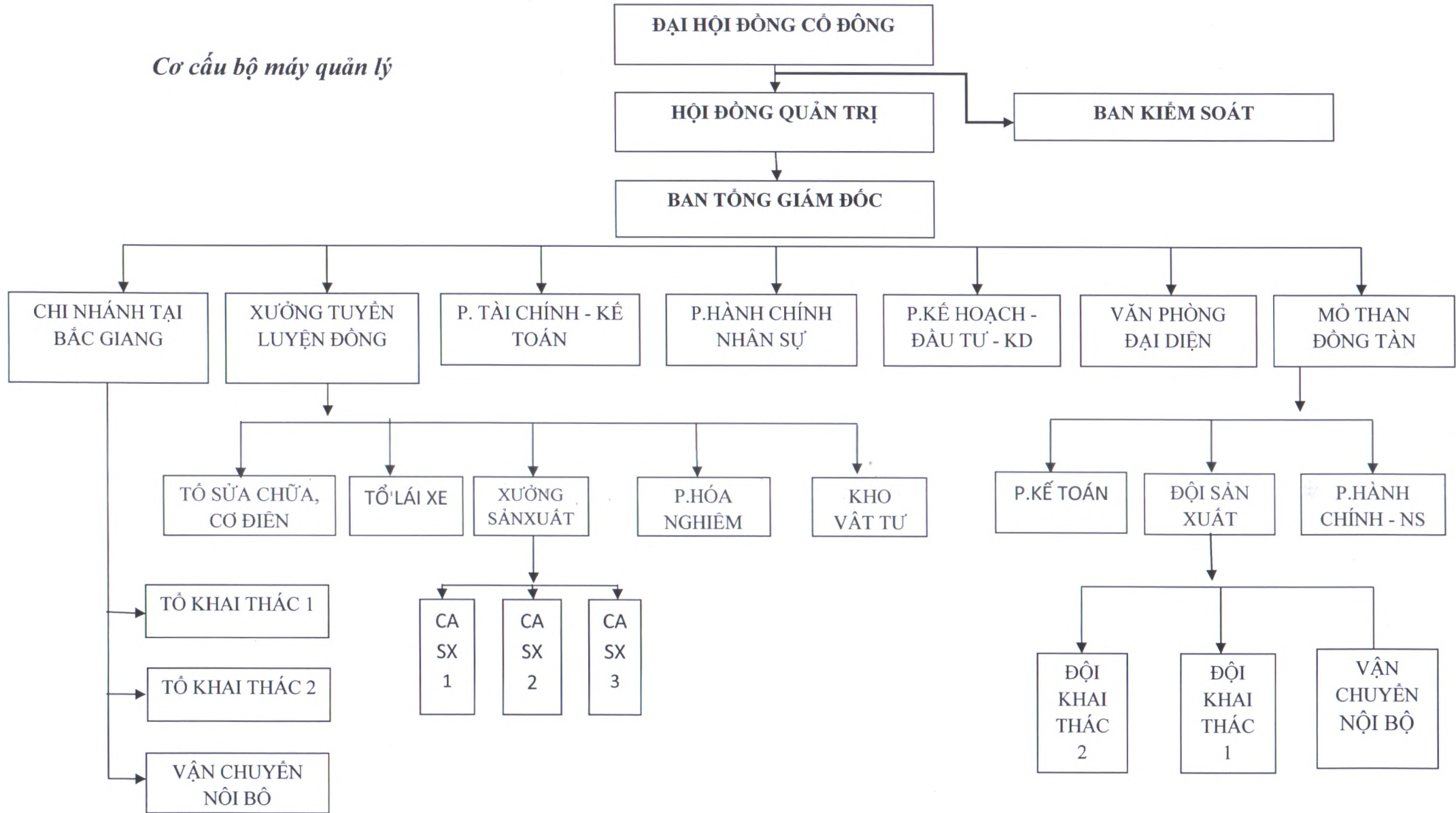
MST : 0100511368-006

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường.

Địa chỉ: Số 4 Lò Rèn, phường Hàng Bò, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

MST: 0100511368-007

Cơ cấu bộ máy quản lý



Diễn giải sơ đồ

➤ Đại hội cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 04 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban TGD;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Thành viên Hội đồng quản trị gồm có:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Xuân Thanh | - Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Phạm Thị Thúy Hạnh | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Hiền | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Phạm Văn Tiến | - Thành viên HĐQT |

➤ **Ban kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Thành viên Ban kiểm soát gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Doan – Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Đinh Ngọc San – Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thu Hoài – Thành viên Ban kiểm soát.

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho

Công ty.

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Thành viên Ban Tổng Giám Đốc gồm có :

- Bà Phạm Thị Thúy Hạnh – Tổng Giám đốc.

Chức năng các phòng ban:

➤ Phòng Hành chính - Nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng giám đốc; Thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Kinh doanh**

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về:

- Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty.
- Công tác đầu tư và quản lý dự án đầu tư.
- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty.
- Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh.
- Hỗ trợ kinh doanh cho các Chi nhánh trong Công ty.
- Trực tiếp kinh doanh các mặt hàng lớn trong Công ty.

➤ **Các Chi nhánh và văn phòng đại diện:**

Chức năng :

- Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của các Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trong quan hệ giao dịch với các đối tác và tổ chức liên quan tại địa phương có quan hệ với Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Điều hành sản xuất sản phẩm theo nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ :

- Tập trung điều hành ổn định các hoạt động sản xuất sản phẩm do đơn vị quản lý.
- Tổ chức công tác ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế; Quản lý vốn và tài sản; Tình hình quản lý doanh thu, chi phí; Việc chấp hành các quy định quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế tại đơn vị.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quy định gửi về Công ty theo tháng, quý, năm.
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) với Công ty tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khai thác của mỏ.
- Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê quý năm.
- Làm việc giải trình số liệu với Công ty và các cơ quan chức năng như Thuế, Kiểm toán,...
- Quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các Phòng, Ban trực thuộc Công ty.

- Được chủ động trong nghiên cứu, tìm kiếm thị trường, đối tác.
- Được tuyển chọn và sử dụng lao động theo yêu cầu công việc.
- Các nhiệm vụ khác Công ty giao.

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Mở rộng địa bàn và đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh, tập trung và phát huy thế mạnh ngành nghề là khai thác và chế biến khoáng sản: vàng, than, đồng.
- Luôn coi trọng quyền lợi của khách hàng, không ngừng cải tiến công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tiếp tục duy trì sự phát triển trong hoạt động khai thác khoáng sản gồm khai thác lộ thiên, khai thác hầm lò.

Hoàn tất các thủ tục về cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản đồng thời triển khai thi công khai thác.

Nâng cao, đổi mới công nghệ sản xuất chế biến đồng và than.

Chuẩn bị kế hoạch mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất chế biến kim loại màu, đa dạng hóa các sản phẩm kim loại màu phục vụ nhu cầu của thị trường trong thời gian tới.

Mở rộng thị trường xuất bán hàng hóa trong nước và hướng đến xuất khẩu.

Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, tăng cường liên doanh, hợp tác.

Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

Tiếp tục chính sách thắt chặt tiền tệ, nhưng linh hoạt, theo dõi và kiểm soát các chi phí, cân đối nguồn vốn huy động, phân phối vốn hợp lý cho các hoạt động sản xuất, khai thác và đầu tư, đảm bảo vốn kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả sử dụng, trích lập các quỹ để dự phòng các rủi ro có thể xảy ra.

Thực hiện đào tạo nâng cao tay nghề và chế độ đãi ngộ đến với từng cán bộ công nhân viên.

Cải thiện điều kiện làm việc, nơi ăn ở của cán bộ công nhân viên tại Công ty.

Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo công bằng và nâng cao năng suất lao động.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro giá cả.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến kim loại màu, giá của sản phẩm phụ thuộc trực tiếp vào giá sàn kim loại London và Thượng Hải biến động theo ngày.

5.2 *Rủi ro về Pháp luật.*

Là doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản phải tuân theo các quy định pháp luật của Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật thuế, Luật khoáng sản, Luật chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường Chứng khoán, nhất là khi Công ty đã thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán. Vì vậy nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chế độ chính sách pháp luật sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3 *Rủi ro về cạnh tranh.*

Hoạt động khai thác và sản xuất kim loại màu của Công ty có nhiều đối thủ cạnh tranh, vì vậy luôn đòi hỏi cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị luôn phải cải tiến. Do đó, Công ty nỗ lực nâng cao chất lượng của sản phẩm, khẳng định vị thế thương hiệu của Á Cường trên thị trường kim loại màu.

II. **Tình hình hoạt động trong năm**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Đến ngày 31/12/2019 các kết quả của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% đạt thực hiện/ kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	40,0	15,0	34,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,0	0,6	30%
Lãi cơ bản/ cổ phiếu	Đồng		402	
Tỷ suất lợi nhuận/ vốn điều lệ	%		0,024%	

Về tài sản và nguồn vốn.

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	241,6	121,2	134,9
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	402,9	448,2	445,4
Tổng tài sản	Tỷ đồng	644,5	569,4	580,3
Nợ phải trả	Tỷ đồng	132,7	140,4	151,2
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	511,8	428,9	429,1

Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	644,5	569,4	580,3
----------------	---------	-------	-------	-------

Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2019 kết quả không đạt so với kế hoạch với nguyên nhân chính do việc dừng hoạt động sản xuất

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Văn Quyết	Trưởng phòng kế toán

b. Sơ yếu lý lịch các thành viên trong ban điều hành.

Phạm Thị Thúy Hạnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

1. Họ và tên : PHẠM THỊ THÚY HẠNH
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh : 01/08/1969
4. Nơi sinh : Hà Nội.
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú : Số 3 phố Chợ Gạo, P.Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
7. Số CMND : 011375838 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp:28/12/2006
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
9. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
10. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
11. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1996 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

12. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :
 - ❖ Sở hữu cá nhân: 624.000 cổ phần
 - ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
14. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

15. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : 187.924.231 đồng
 16. Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Nguyễn Văn Quyết – Trưởng phòng Kế toán.

17. Họ và tên : NGUYỄN VĂN QUYẾT
 18. Giới tính : Nam
 19. Ngày sinh : 17/06/1987
 20. Nơi sinh : Bắc Giang.
 21. Quốc tịch : Việt Nam
 22. Địa chỉ thường trú : xã Tiến Dũng, Huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
 23. Số CMND : 121679452 Nơi cấp: CA Bắc Giang Ngày cấp:13/04/2004
 24. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 25. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng phòng Kế toán
 26. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 27. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2012 – 2017	Nhân viên phòng Kế toán	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ năm 2017 – nay	Trưởng phòng Kế toán	Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường

28. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 29. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :
 ❖ Sở hữu cá nhân: 1000 cổ phần
 ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 30. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không
 31. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : 104.733.846 đồng
 32. Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Chính sách đối với lao động: Người lao động của Công ty được đào tạo cơ bản và thường xuyên, đoàn kết, gắn bó với Công ty. Tổng số lao động đang làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 là 17 người. Với chính sách, chế độ tuyển dụng lao động của mình Công ty đã tập trung được một tập thể lao động có chất lượng, kỷ luật, đoàn kết, năng động và trung thành.

Chính sách đối với người lao động.

Người lao động từ lâu vẫn được coi là tài sản quý giá của Doanh nghiệp. Nguồn nhân lực mạnh tạo cho doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ, là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Do đó lãnh đạo Công ty rất chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo lao động.

Chính sách tuyển dụng: Công ty thực hiện tuyển dụng lao động cả trong nội bộ lẫn bên ngoài Công ty nhằm mục đích tìm được những lao động có năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Luôn ưu tiên đề bạt các lao động đã quen với công việc, hiểu biết rõ về công ty, trung thành, năng động vào các vị trí quản lý, lãnh đạo chủ chốt của Công ty.

Thu hút lao động bên ngoài công ty thông qua các phương tiện truyền thông thông báo tuyển dụng, các vị trí như công nhân kỹ thuật, kỹ sư, cử nhân kinh tế, kế toán, luôn ưu tiên những lao động có kinh nghiệm làm việc.

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ lao động theo luật lao động và các quy định. Điều kiện làm việc, ăn, ở: văn phòng làm việc, nhà xưởng, bếp ăn, nhà tập thể cho người lao động được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động.

Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tiền lương là một yếu tố quan trọng của chi phí sản xuất, khai thác. Đối với người lao động tiền lương nhận được thỏa đáng là động lực để tăng năng suất lao động, sáng tạo và trung thành. Khi năng suất lao động tăng thì đồng nghĩa với lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng.

Bên cạnh đó, khi lợi ích của người lao động được đảm bảo, cuộc sống ổn định bằng mức lương thỏa đáng sẽ tạo ra sự gắn kết người lao động với mục tiêu và lợi ích của doanh nghiệp, làm cho người lao động có trách nhiệm hơn với hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, đối với doanh nghiệp xây dựng một hệ thống trả lương để làm sao tiền lương thực sự là một công cụ quản lý doanh nghiệp, một đòn bẩy kinh tế hiệu quả đang là yêu cầu đặt ra với tất cả các doanh nghiệp hiện nay.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định, góp phần phát huy khả năng sáng tạo và tài năng của người lao động, nhằm đạt năng suất, chất lượng và tiến bộ xã hội trong lao động, sản xuất, hiệu quả trong sử dụng và quản lý lao động. Thực hiện công bằng trong công tác tiền lương, phân phối tiền lương theo lao động và chất lượng công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn chốt tại 31/12/2019:

- Thực hiện hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Đô Linh thực hiện dự án khai thác và chế biến vàng gốc tại xã Châu Hạnh – huyện Quỳnh Châu – tỉnh Nghệ An. Tổng mức đầu tư 330 tỷ, tỷ lệ tham gia góp vốn đầu tư của Công ty là 90%, số vốn đã góp 43 tỷ đồng. Hiện tại dự án khai thác và chế biến vàng gốc đang trong giai đoạn tiến hành hoàn thành thủ tục xin GPMB và xin quyết định thuê đất.

Đầu tư tài chính vào các Công ty con, công ty liên kết:

- Đến hết ngày 31/12/2019 Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường đã thực hiện mua lại vốn cổ phần Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Tam Cường: nhằm thực hiện quản lý khai thác tập trung mỏ than Bồ Hạ - Đồng Hưu – Yên Thế - Bắc Giang, có Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000067 được UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/01/2008. Số vốn đã góp 75,2 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	569,4	580,3	+2%
Doanh thu thuần	19,1	15,0	-21,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-79,7	1,5	(+)
Lợi nhuận khác	-3,2		
Lợi nhuận trước thuế	-82,8	0,6	(+)
Lợi nhuận sau thuế	-82,8	0,12	(+)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú

<p><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u></p> <p>Nợ ngắn hạn</p>	<p>1,54</p> <p>0,58</p>	<p>1,17</p> <p>0,62</p>	
<p><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	<p>0,25</p> <p>0,33</p>	<p>0,26</p> <p>0,27</p>	
<p><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>	<p>0,14</p> <p>0,034</p>	<p>0,19</p> <p>0,026</p>	
<p><i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p>	<p>-4,34</p> <p>-0,193</p> <p>-0,013</p> <p>-4,17</p>	<p>0,008</p> <p>0,0003</p> <p>0,0002</p> <p>0,39</p>	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 51.000.000 cổ phần. Trong đó có 51.000.000 cổ phần có quyền chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 3235/VSD-ĐK ngày 17 tháng 04 năm 2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (1000 đồng)	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	1.512	50.703.384	507.033.840	99,42
	Tổ chức	7	61.698	616.980	0,12
	Cá nhân	1.506	50.641.686	506.416.860	99,23
II.	Cổ đông nước ngoài	9	296.616	2.966.160	0,58
	Tổ chức	3	213.800	2.138.000	0,42
	Cá nhân	6	82.816	828.160	0,16

Cổ đông lớn:

Ông Nguyễn Xuân Thanh: 5.003.100 cổ phần, chiếm 9,81%

(Công ty đang thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông ngày đăng ký cuối cùng ngày 30/04/2020)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên vật liệu trực tiếp tham gia vào sản xuất của Công ty là khoáng sản nguyên khai thác được từ các mỏ đưa về Nhà máy. Sản phẩm sản xuất ra là tinh quặng, đồng tấm và than do đó không cần sử dụng đến bao bì, có chăng là 1 lượng rất nhỏ không đáng kể.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: bao bì không tái sử dụng được.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng dùng khai thác, sản xuất, thiết bị, phục vụ cho công tác văn phòng,...

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty đã tiến hành lắp đặt trạm điện treo, tụ bù, đồng hồ đo đếm đến từng đơn vị sản xuất, từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng toàn Công ty.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước máy khoan, lượng nước tiêu thụ 2019 khoảng 300m³. Lượng nước này sử dụng 1 phần cho sinh hoạt, 1 phần cho hoạt động sản xuất.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: tỷ lệ nước tái chế và tái sử dụng trong hoạt động sản xuất chiếm 60% do hệ thống sản xuất có các bể lắng, bể tuần hoàn,...

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường luôn nhận thức việc bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác và sản xuất là yếu tố cốt lõi trong việc thực hiện hoạt động sản xuất trong ngành chế biến khoáng sản. Công ty đã cơ bản chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, năm 2016 đã xảy ra sự cố rò rỉ nước thải sản xuất môi trường; Năm 2017, 2018 Công ty đã khắc phục xong sự cố môi trường tại Nhà máy tuyển và luyện Đồng tại Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Năm 2019 Công ty đã thực hiện hoàn tất hồ sơ đánh giá tác động môi trường và được phê duyệt và hoàn thành các thủ tục theo quy định đủ điều kiện đưa vào Nhà máy vào hoạt động trở lại.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2019: 17 người

Mức lương bình quân của người lao động: >5 triệu đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã xây dựng nội quy vệ sinh lao động với đầy đủ nội dung quy định và được treo tại nơi làm việc.

- Tổ chức cho công nhân sản xuất và làm ca ăn uống đầy đủ vào giữa ca và cuối ca để đảm bảo sức khỏe.

- Công ty có tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu đầy đủ tại nơi làm việc của người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn huyện vùng núi đặc biệt khó khăn của tỉnh Bắc Giang nên luôn thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với địa phương về công tác xã hội và cộng đồng địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 được thể hiện qua các chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông đặt ra đầu năm chưa hoàn thành kế hoạch

Doanh thu: 15 tỷ đồng đạt 37,5 % so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm: 0,12 tỷ đồng .

Trong năm 2019 Công ty hoàn thành thủ tục đánh giá tác động môi trường và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Cuối năm Công ty bắt đầu từng bước đi vào hoạt động trở lại.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2015	% đạt thực hiện/ kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	40	15	37,5
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,6	0,12	Không đạt
Lãi cơ bản/ cổ phiếu	Đồng			Không đạt
Tỷ suất lợi nhuận/ vốn điều lệ	%		0,023	Không đạt

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TÀI SẢN	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	134.892.711.133	121.204.165.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.002.960.173	296.501.279
1. Tiền	3.002.960.173	296.501.279
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	66.454.121.767	43.746.151.157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	121.632.204.819	133.896.648.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.488.500.000	3.482.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	22.500.000.000	13.973.847
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(81.166.583.052)	(93.646.971.042)

IV. Hàng tồn kho	63.947.653.283	75.800.578.814
1. Hàng tồn kho	63.947.653.283	75.800.578.814
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.487.975.910	1.360.934.286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.467.574.496	1.340.532.872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20.401.414	20.401.414
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	445.363.699.241	448.162.750.623
I. Các khoản phải thu dài hạn	43.484.000.000	43.484.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	43.484.000.000	43.484.000.000
II. Tài sản cố định	264.913.258.950	266.144.779.784
1. Tài sản cố định hữu hình	264.913.258.950	266.144.779.784
<i>Nguyên giá</i>	<i>316.878.669.988</i>	<i>316.878.669.988</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(51.965.411.038)</i>	<i>(50.733.890.204)</i>
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	58.057.523.952	58.057.523.952
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58.057.523.952	58.057.523.952
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	75.115.762.105	75.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	75.200.000.000	75.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(84.237.895)	
V. Tài sản dài hạn khác	3.793.154.234	5.276.446.887
1. Chi phí trả trước dài hạn	3.793.154.234	5.276.446.887
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	580.256.410.374	569.366.916.159

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo thời gian hữu ích của của tài sản và phù hợp theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

b) Tình hình nợ phải trả

NỘI DUNG	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	151.192.041.153	140.422.414.924
I. Nợ ngắn hạn	115.324.072.145	78.952.739.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.609.194.948	3.613.431.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	200.000.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.887.165.974	8.828.607.090

4. Phải trả người lao động		47.284.231
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	28.363.667.775	19.699.097.744
6. Phải trả ngắn hạn khác	28.701.011.429	28.803.011.429
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	42.639.032.019	17.037.325.908
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.	924.000.000	924.000.000
II. Nợ dài hạn	35.867.969.008	61.469.675.119
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.867.969.008	61.469.675.119

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao khoán cho các Phòng, ban, đội khai thác, sản xuất để nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân tại các đơn vị sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- Với mục tiêu đồng bộ hóa các chính sách về quản lý, nhằm tạo điều kiện cho các phân xưởng sản xuất chủ động trong sản xuất, khai thác, kinh doanh, quản lý các nguồn lực được giao nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ khai thác, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Đồng thời thúc đẩy, cải tiến công tác quản lý, nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, để nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Nhằm gắn kết về trách nhiệm điều hành đơn vị của cấp quản lý đối với thành tích của từng khối, đơn vị sản xuất, Công ty đã đưa ra chế độ thưởng phạt rõ ràng, công bằng.
- Xây dựng chính sách quản lý người lao động linh hoạt, đặt người lao động làm trọng tâm để thúc đẩy sự phát triển và bền vững.

Các biện pháp kiểm soát:

- Từng thành viên trong Ban Lãnh đạo được phân công chỉ đạo trực tiếp các tổ đội thi công khai thác, sản xuất nhằm xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Phòng Tài chính kế toán phối hợp với phòng Kế hoạch tổng hợp lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các tổ đội thi công khai thác, vận chuyển và sản xuất, hướng dẫn tập hợp chi phí, hóa đơn chứng từ theo luật định. Phối hợp, đốc thúc với các phòng ban liên quan để có biện pháp thu hồi công nợ của khách hàng trong thời gian sớm nhất.
- Phòng Tổ chức hành chính: giám sát quá trình tuyển dụng, quản lý, đào tạo và điều phối nhân lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của toàn Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty xác định khó khăn trong năm bởi dịch bệnh đang rất khó lường làm ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất của Công ty và người lao động. Cho nên, việc xây dựng các kế hoạch cho năm 2020 dựa trên yếu tố thận trọng, đầu tư các máy móc thiết bị và các dự án trọng điểm khi đã được đánh giá hiệu quả đầu tư thật bài bản, kỹ lưỡng:

Kết quả thực hiện trong năm 2020 sẽ phụ thuộc rất lớn vào việc đập dịch bệnh Covid19 của toàn quốc và toàn thế giới.

Năm 2020, Công ty đã đặt kế hoạch cho năm thông qua các chỉ tiêu cơ bản sau:

Doanh thu thuần:	38 tỷ đồng
Giá vốn hàng bán:	32 tỷ đồng
Lợi nhuận gộp:	6 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế TNDN:	1,5 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN:	1,2 tỷ đồng.

Các nhiệm vụ thực hiện kế hoạch năm 2020.

- Giám sát chặt chẽ hệ thống xả thải trong quá trình sản xuất trở lại.
- Lập phương án tập trung khai thác Vàng, than, đồng theo dữ liệu khảo sát thăm dò mới nhất
- Khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị để phục vụ khai thác mỏ và hoạt động sản xuất sản phẩm.
- Tập trung đưa ra giải pháp để thu hồi được các khoản công nợ phải thu của khách hàng.
- Lập kế hoạch Giải phóng mặt bằng, xây dựng lắp đặt xưởng sơ chế tại mỏ vàng Phong Minh, Sa Lý trước khi chở về Nhà máy chế biến chuyên sâu.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật. Thường xuyên rà soát lại định mức kinh tế kỹ thuật ở từng công đoạn sản xuất, đảm bảo định mức hao hụt và giá thành sản phẩm.
- Định hướng, đào tạo nhân sự lành nghề, trung thành, năng động và hiệu quả.
- Tối đa hóa lợi ích cho Cổ đông, chăm lo quyền lợi chính đáng cho người lao động, đồng thời quan tâm sâu sắc đến cộng đồng xã hội bên ngoài và môi trường.
- Bảo toàn vốn cho các cổ đông thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng phát triển và tăng trưởng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam- thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens đã đưa ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính năm 2019, trích dẫn:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Tại Báo cáo tài chính của Công ty liên kết – Công ty cổ phần tập đoàn KS Tam Cường thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 55 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ sở hữu của Công ty trong khoản này là 9,7 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ hồ sơ để đánh giá khoản đầu tư trên của Công ty cổ phần tập đoàn KS Tam Cường có bị suy giảm giá trị hay không và ảnh hưởng (nếu có) tới khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết.

“Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại phần thuyết minh số 6.02 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 663/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 09 năm 2019 về việc khắc phục sự cố môi trường của Dự án “Nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm” do đó đáp ứng điều kiện đủ đi vào hoạt động sản xuất ổn định trở lại theo quy định của các cơ quan Ban ngành.

Vấn đề khác

Tại Báo cáo Tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp số tiền là 5.436.391.400 đồng dẫn đến số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ 494.217.400 đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 giảm với giá trị tương ứng là 494.217.400 đồng. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty đã nhận thức rõ về vấn đề trách nhiệm của mình liên quan đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Công ty luôn có những cải tiến về những quy định phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đã kết hợp tốt với các ban, ngành tại địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2019 là một năm rất khó khăn đối với Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường. Tuy nhiên, trong sự khó khăn đầy mới thấy được sự quyết tâm của một tập thể, sự đồng thuận từ cấp lãnh đạo xuống đến công nhân viên.

a. Thuận lợi:

Để có được kết quả trên là nhờ sự cố gắng, quyết tâm của toàn thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV trong toàn Công ty;

HĐQT Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình của Công ty, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty.

b. Khó khăn:

Năm 2019 là một năm đặc biệt khó khăn đối với Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường. Các giai đoạn trong năm:

Tạm dừng hoạt động sản xuất trong thời gian dài khắc phục các tồn tại liên quan đến môi trường dẫn đến mọi hoạt động trong Công ty ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động khai thác than không hiệu quả do chất lượng sản phẩm quá thấp.

Cần chấn chỉnh và có biện pháp thu hồi công nợ khi bán hàng cho khách. Mục đích thu hồi công nợ cũ và yêu cầu khách hàng thực hiện các cam kết đã quy định trong hợp đồng.

Mặc dù khó khăn là vậy, nhưng tập thể Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển, khẳng định được vị thế của Á Cường trên thị trường kim loại màu.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

a. Ưu điểm:

- Tổng Giám đốc cùng các nhân sự chủ chốt có nhiều nỗ lực vượt qua những khó khăn năm 2019.
- Thường xuyên bám sát triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để quản lý điều hành doanh nghiệp.
- Nội bộ đoàn kết thống nhất, quan tâm chăm lo đến công tác đời sống người lao động, công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Cần hoàn tất thủ tục, hồ sơ để sớm nhận được Giấy xác nhận hoàn công công trình.
- Mặt hàng than kết quả khai thác chế biến hiệu quả không cao, do chất lượng sản phẩm than kém khó tiêu thụ.
- Cần nghiên cứu sâu hơn nữa về nâng cấp, cải tạo công nghệ đẩy mạnh công suất sản xuất nâng cao hiệu quả đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế ngày càng lớn.
- Cần quan tâm, giám sát chặt chẽ hơn nữa đối với môi trường nước thải từ hoạt động sản xuất và hoạt động khai thác của Công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nâng cao hiệu quả chỉ đạo và quản trị của HĐQT, Ban kiểm soát và hoạt động của Ban điều hành.

- Lập kế hoạch giải phóng mặt bằng, xây dựng xưởng sơ chế tại mỏ vàng Phong minh, Sa Lý trước khi đưa sản phẩm về Nhà máy chế biến chuyên sâu.
- Tăng cường, tập trung khai thác than có chất lượng cao, và nguyên liệu đồng có hàm lượng tốt đưa vào chế biến.
- Tiếp tục đôn đốc Ban điều hành đẩy mạnh công tác thị trường, trong đó tập trung vào thị trường tiêu thụ sản phẩm, định hướng thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường công tác xây dựng quản lý định mức kinh tế kỹ thuật để tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả.
- Chú trọng các biện pháp duy trì ổn định trong SXKD như đảm bảo đầy đủ và kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm công tác ATLD, VSLĐ, môi trường làm việc, bảo quản, bảo dưỡng máy móc thiết bị,....

- Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho người lao động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; đánh giá lao động thường xuyên, gắn chất lượng lao động, hiệu quả làm việc với tiền lương và thu nhập của người lao động.
- Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả; đặc biệt là quy trình thủ tục quản lý nội bộ về định mức, thanh quyết toán, chế độ thuế, chế độ chứng từ hoá đơn, quản lý hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý nợ, tiền lương....
- Tích cực tìm kiếm các giải pháp về vốn như thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho SXKD, đầu tư đầy đủ và kịp thời. Quản lý chi phí theo định mức KTKT, định mức lao động- đơn giá tiền lương,
- Đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty.
- Tập trung cao độ, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, tổ chức họp HĐQT ít nhất 01 lần/quý để ban hành nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết, có thể tổ chức họp bất thường nếu cần.
- Thường xuyên thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	5.003.100	9,81%
2	Phạm Thị Thúy Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	624.000	1,22%
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Phạm Văn Tiến	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Vũ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	200.000	0,39%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT luôn hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành.

Năm 2019 HĐQT thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, đã tổ chức 04 phiên họp và ban hành 04 Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các Nghị quyết và quyết định phù hợp với Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 (cả 04 phiên họp đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát để đóng góp ý kiến cho HĐQT và đồng thời lắng nghe ý kiến của CBCNV Công ty).

Giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhau trong quá trình thực hiện và triển khai nhiệm vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị đảm bảo kịp thời, đúng luật nhưng hiệu quả cao.

tt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	01/2019/ACM/TB/HĐQT	19/03/2019	Thông qua nội dung, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2019 và kế hoạch thực hiện sản xuất 2019.
2	196/2016/ACM/NQ-HĐQT	19/06/2019	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
3	03/2019/ACM/NQ-HĐQT	07/08/2019	Thông qua việc thực hiện thủ tục hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư mỏ vàng Phong Minh, Sa Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
4	04/2019/ACM/NQ-HĐQT	05/10/2019	Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất trở lại sau đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Xuân Thanh	CT HĐQT	4	100%	
2	Phạm Thị Thúy Hạnh	TV HĐQT	4	100%	
3	Nguyễn Văn Hiền	TV HĐQT	4	100%	

4	Phạm Văn Tiến	TV HĐQT	4	100%	
---	---------------	---------	---	------	--

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thị Doan	Trưởng BKS	10.000	
2	Đinh Ngọc San	Thành viên BKS	5.000	
3	Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	5.000	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp của BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Doan	Trưởng BKS	4	100%
2	Đinh Ngọc San	Thành viên BKS	4	100%
3	Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	4	100%

- Ban kiểm soát có 03 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; thực hiện kiểm tra công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý và cả năm, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Định kỳ hàng quý tổng kết lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2019:

Thù lao của HĐQT, BKS và lương Tổng Giám đốc. Trong đó:

Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng)	Ghi chú
Nguyễn Xuân Thanh	CT HĐQT	120.000.000	
Phạm Thị Thúy Hạnh	TV HĐQT kiêm TGD	187.924.230	Thù lao+ lương
Nguyễn Văn Hiền	TV HĐQT	84.000.000	
Phạm Văn Tiến	TV HĐQT	84.000.000	
Nguyễn Thị Doan	Trưởng BKS	60.000.000	
Đinh Ngọc San	TV BKS	36.000.000	
Phạm Thị Thu Hoài	TV BKS	36.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2019:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Các thành viên trong Ban quản trị Công ty đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện quản lý điều hành, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn Nhà máy dừng hoạt động sản xuất trong một thời gian dài khắc phục rủi ro môi trường còn tiềm ẩn những rủi ro ngoài tầm kiểm soát. Ban quản trị cần quan tâm nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Công ty tốt hơn trong năm tới, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành Công ty.

Một số kế hoạch nhằm tăng cường hiệu quả quản trị Công ty trong năm 2020:

- Nâng cao hiệu quả chỉ đạo và quản trị của HĐQT, BKS và Ban điều hành.
- Giám sát hệ thống xả thải trong khai thác, sản xuất, bảo trì thường xuyên.

- Trả thù lao cho HĐQT, BKS
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020.
 - Tập trung thăm dò, đánh giá toàn bộ các mỏ để có kế hoạch khai thác một cách triệt để, nâng cao hiệu quả khai thác, sản xuất: vàng, than, đồng.
 - Tiếp tục đôn đốc Ban điều hành đẩy mạnh công tác thị trường, trong đó tập trung vào thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường xuất khẩu.
 - Lập kế hoạch giải phóng mặt bằng, xây dựng xưởng sơ chế vàng tại Phong Minh, Sa Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang trước khi vận chuyển về nhà máy chế biến chuyên sâu
 - Thường xuyên thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHQĐ, Hội đồng quản trị.
- ...v.v.

VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo tài chính văn phòng năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. (Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán 2019 đính kèm).

Toàn văn của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 được đăng tải trên website của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường <http://acuonggroup.vn>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY





TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thủy Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/2020/TB-ACM

Bắc Giang, ngày 10 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCKNN VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**
Trụ sở chính: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 222 6669 Fax: 0204 222 6669
Mã chứng khoán: ACM
Người công bố thông tin: Vũ Thị Thu Hiền
Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Á Cường.
Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2020 tại
Website: acuonggroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



VŨ THỊ THU HIỀN